

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 06- 09-2021  
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Nhường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Phạm Văn Chử.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 08 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1995. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện LN, Bắc Giang.

Bị đơn: Anh **Lê Bá H**, sinh năm 1977. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện LN, Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G, lời khai của bị đơn anh Lê Bá H trình bày thì nội dung vụ án như sau:*

Chị Nguyễn Thị G và anh Lê Bá H kết hôn với nhau vào năm 2014, trước khi kết hôn chị G anh H được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Có đến Ủy ban nhân dân xã M, huyện LN đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị G anh H về chung sống cùng nhau ngay và ở cùng gia đình anh H. Anh H và chị G đều cho rằng cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc nhưng trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Chị G cho rằng nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh H thường xuyên chơi bời không quan tâm gì tới chị và gia đình. Anh H xác định giữa anh và chị G có mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không nghiêm trọng. Chị G xác định tình cảm với anh H không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Chị G xin ly hôn anh H không đồng ý và mong muốn chị G suy nghĩ về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, nếu chị G kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Chị G anh H có một con chung là Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 28/04/2015. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh H nhận nuôi con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, chị G đồng ý.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị G anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, con chung với anh Lê Bá H. Anh Lê Bá H vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị G, bản tự khai của anh Lê Bá H và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật

tổ tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G. Cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Lê Bá H.

- Về con chung: Giao cho anh Lê Bá H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 28/04/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Lê Bá H có nơi cư trú tại thôn T, xã M, huyện LN, Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Bá H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Chị G vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh Lê Bá H và chị Nguyễn Thị G.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Lê Bá H tự nguyện tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau vào ngày 28 tháng 07 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai còn quan tâm tới ai. Trong quá trình giải quyết chị G và anh H đều xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên anh H cho rằng những mâu thuẫn chỉ là nhỏ nhặt không nghiêm trọng và đề nghị chị G suy nghĩ lại về đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con chung. Chị G làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh H không đồng ý nếu chị G kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị G anh H đã sống ly thân với nhau một thời gian đến nay không còn ai quan tâm tới ai, có mâu thuẫn, cuộc đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị G kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết xin hôn, con chung với anh H. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị G cho chị G được ly hôn với anh H là có căn cứ.

[3.2]. Về con chung: Chị G anh H có 01 con chung là cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 28/04/2015. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung chị G đồng ý. Do vậy, cần giao cho anh H nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh H chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị G anh Lê Bá H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G. Cho Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Lê Bá H.

**2.** Về con chung: Giao cho anh Lê Bá H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 28/04/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị G được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản chị G thực hiện quyền này.

**3.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị G đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: 0010280 ngày 26/04/2021. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

**4.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã M, huyện LN, tỉnh Bắc Giang (Số 38/28/07/2014);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Nguyễn Đức Nhường**